HNUE JOURNAL OF SCIENCE
Social Sciences 2025, Volume 70, Issue 2, pp. 86-99
This paper is available online at https://hnuejs.edu.vn
DOI: 10.18173/2354-1067.2025-0023

# ENVOY MISSIONS FROM THE MẠC DYNASTY (VIETNAM) TO THE MING COURT (CHINA), 1527 – 1592

Nguyen Thi Thu Thuy
*Faculty of History, Hanoi National University of Education, Hanoi city, Vietnam*
Corresponding author: Nguyen Thi Thu Thuy
e-mail: thuynt@hnue.edu.vn

Received April 18, 2025.
Revised May 22, 2025.
Accepted May 25, 2025.

**Abstract.** After its establishment in 1527, the Mạc dynasty dispatched its first diplomatic mission to the Ming dynasty in 1528 to formally announce its throne accession and explain the delay in requesting investiture. Between this initial mission and the collapse of the Mạc in 1592, the court sent a total of 15 diplomatic missions to the Ming. These took place in the years 1528, 1538, 1540, 1542, 1543, 1544, 1545, 1548 (twice), 1575 (twice), 1576, 1580, 1584, and 1590. The missions served various diplomatic purposes, including beseeching investiture, offering tribute, expressing gratitude, reporting bereavement, and declaring surrender. Among these, beseeching investiture and offering tribute were the most central and recurrent objectives. Drawing upon primary materials from Vietnamese historiography, such as *Complete Annals of Đại Việt*, *General History of Đại, Imperially Commissioned Comprehensive History of Vietnam*, *Encyclopedia of Institutions of Successive Dynasties* and the *Ming Shilu (Veritable Records of the Ming dynasty)*, this article offers a systematic analysis of the Mạc dynasty's diplomatic engagements with the Ming from 1527 to 1592. It focuses on key dimensions of these missions, including their frequency, objectives, internal organization, the backgrounds of the envoys, and the system of tribute and goods. In doing so, the article contributes to a deeper understanding of Vietnam–China diplomatic relations during the Mạc period, particularly as revealed through the practice of sending envoys.

***Keywords:*** Mạc Dynasty, Ming Dynasty, envoy mission, envoy exchange.

# VỀ CÁC SỨ ĐOÀN TRIỀU MẠC (VIỆT NAM) ĐI SỨ TRIỀU MINH (TRUNG QUỐC) (1527 – 1592)

Nguyễn Thị Thu Thủy
*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thu Thủy
e-mail: thuynt@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 18/4/2025.
Ngày sửa bài: 22/5/2025.
Ngày nhận đăng: 25/5/2025.

**Tóm tắt.** Sau khi thành lập vào năm 1527, năm 1528, nhà Mạc đã cử sứ đoàn đầu tiên đi sứ nhà Minh nhằm báo cho việc lên ngôi của nhà Mạc và giải thích lí do chậm trễ trong việc cầu phong. Kể từ chuyến đi sứ đầu tiên này cho đến khi nhà Mạc sụp đổ năm 1592, nhà Mạc đã phái tổng cộng 15 sứ đoàn đi sứ nhà Minh vào các năm 1528, 1538, 1540, 1542, 1543, 1544, 1545, 1548 (2 sứ đoàn), 1575 (2 sứ đoàn), 1576, 1580, 1584, 1590. Các sứ đoàn nhà Mạc đi sứ nhà Minh với các mục đích khác nhau, như: cầu phong, tiến cống, tạ ơn, báo tang, xin hàng,… Trong đó, cầu phong và cống nhiệm vụ trọng tâm của các sứ đoàn nhà Mạc. Dựa trên việc khảo cứu nguồn tư liệu là các thư tịch cổ Việt Nam (*Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt thông sử, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lịch triều hiến chương loại chí*) và *Minh thực lục* trình bày một cách hệ thống về các sứ đoàn triều Mạc đi sứ triều Minh từ năm 1527 đến năm 1592. Trọng tâm bài viết tập trung làm rõ các khía cạnh liên quan đến sứ đoàn triều Mạc đi sứ triều Minh, gồm: số lượng sứ đoàn, nhiệm vụ sứ đoàn, tổ chức của sứ đoàn và thân thế của sứ thần, lệ cống và cống phẩm. Bài viết giúp cung cấp một cách tiếp cận về quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc dưới thời Mạc thông qua các sứ đoàn đi sứ Trung Quốc.

***Từ khoá:*** triều Mạc, triều Minh, sứ đoàn, thông sứ.

# 1. Mở đầu

Đầu thế kỉ XVI, triều Lê sơ bước vào giai đoạn suy thoái. Bộ máy chính quyền trung ương và địa phương ngày càng tỏ rõ sự yếu kém và thiếu hiệu quả trong quản lí, điều hành. Các cuộc chính biến cung đình, xung đột phe phái xảy ra thường xuyên làm rối loạn xã hội và đẩy đất nước vào thời kì khủng hoảng. Năm 1527, triều Mạc được thành lập trong một bối cảnh chính trị nhiều phức tạp. Ở trong nước, chính quyền nhà Mạc vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ từ các cựu thần ủng hộ nhà Lê sơ. Năm 1533, nhà Lê Trung Hưng thành lập và trở thành mối đe doạ đối với nhà Mạc từ phía Nam. Trong quan hệ đối ngoại với Trung Quốc, nhà Mạc khó khăn trong việc tìm kiếm sự thừa nhận về tính chính thống từ nhà Minh. Thậm chí, nhà Minh còn có kế hoạch xâm lược Đại Việt. Trước tình thế khó khăn đó, việc cải thiện quan hệ ngoại giao với nhà Minh là một trong những biện pháp giúp nhà Mạc giải quyết khó khăn đến từ bên ngoài. Trong đó, việc cử các sứ đoàn sang Trung Quốc vừa là cách thức để duy trì hòa hiếu, ngăn chặn nguy cơ bị xâm lược từ nhà Minh, vừa là phương tiện để giúp nhà Mạc có thể đạt được sự thừa nhận chính thức từ phía nhà Minh.

Quan hệ bang giao giữa triều Mạc (1527 – 1592) và triều Minh (Trung Quốc) thế kỉ XVI là một chủ đề đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến ngoại giao Việt Nam và Trung Quốc dưới thời nhà Mạc ở các khía cạnh khác nhau, như: *Về quan hệ bang giao giữa triều Mạc và triều Minh thế kỉ XVI* của Phạm Ái Phương [1; 99-118], *Thử tìm hiểu việc bang giao của vương triều Mạc* của Hoàng Lê [1; 119-130], trong đó các tác giả đã bước đầu phác họa tổng quan về chính sách đối ngoại của nhà Mạc, đặc biệt nhấn mạnh đến sự kiện nhà Mạc chủ động dâng đất cho nhà Minh vào năm 1540 nhằm tránh cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Minh. Tác giả Trần Văn Nguyên trong luận án tiến sĩ *Nghiên cứu quan hệ Trung – Việt đời Minh* đề cập đến quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trong thời kì trị vì của nhà Minh từ năm 1368 đến năm 1644 với các nội dung: chính sách đối ngoại của nhà Minh đối với Đại Việt, xung đột biên giới, vấn đề Chămpa, trao đổi kinh tế và xung đột văn hóa,... [3]. Tác giả Phan Đăng Thuận trong bài viết *Qua sự kiện năm 1540 bàn thêm về mối quan hệ bang giao giữa nhà Mạc với nhà Minh (Trung Quốc)* [3; 17] đã tiếp cận vấn đề dưới góc độ so sánh nguồn tư liệu chính sử Việt Nam và Trung Quốc, từ đó, tác giả bác bỏ quan điểm cho rằng nhà Mạc "cắt đất" cầu hòa mà thực chất là hành động trả lại đất cũ cho nhà Minh. Tác giả bài viết cũng cho rằng, chính sách đối ngoại của Mạc Thái Tổ trong sự kiện này không chỉ thể hiện sự linh hoạt ứng biến trước tình thế chính trị khu vực, mà còn nằm trong truyền thống ngoại giao đặc trưng của các triều đại quân chủ Việt Nam với các triều đại phương Bắc. Tác giả Nguyễn Thị Kiều Trang trong cuốn sách *Về quan hệ sách phong, triều cống Minh - Đại Việt* đã dành một nội dung để trình bày về quan hệ sách phong, triều cống Minh – Mạc (1527 – 1592), trong đó các sứ đoàn nhà Mạc đi triều cống nhà Minh cũng được tác giả tổng hợp như một minh chứng để luận giải quan hệ triều cống Minh – Mạc [4],...

Các công trình kể trên khi trình bày quan hệ ngoại giao của nhà Mạc và nhà Minh đã đề cập đến các sứ đoàn của triều Mạc hay sứ thần triều Mạc đi sứ triều Minh. Tuy nhiên, vấn đề này mới chỉ dừng lại ở mức độ khái quát. Một số nội dung như: nhiệm vụ của sứ đoàn, thành phần và số lượng thành viên sứ đoàn, thân thế sứ thần,… triều Mạc vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống.

Kế thừa thành tựu nghiên cứu trước đó, bài viết này dựa trên việc khảo cứu nguồn tư liệu là các thư tịch cổ Việt Nam (*Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt thông sử, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lịch triều hiến chương loại chí*) và *Minh thực lục* trình bày một cách hệ thống về các sứ đoàn triều Mạc đi sứ triều Minh từ năm 1527 đến năm 1592. Trọng tâm bài viết tập trung làm rõ các khía cạnh liên quan đến sứ đoàn triều Mạc đi sứ triều Minh, gồm: số lượng sứ đoàn, nhiệm vụ sứ đoàn, tổ chức của sứ đoàn và thân thế của sứ thần, lệ cống và cống phẩm. Một số nội dung phức tạp trong quan hệ giữa nhà Mạc và nhà Minh (1527 – 1592) như: vấn đề dâng đất, vấn đề biên giới,… chỉ được đề cập nhằm minh chứng cho hoạt động thông sứ, những nội dung bàn luận sâu hơn xin được đề cập trong một công trình nghiên cứu khác vào một dịp khác.

# 2. Nội dung nghiên cứu

## 2.1. Số lượng sứ đoàn

Tháng 6 năm 1527, Mạc Đăng Dung ép vua Lê Cung Hoàng nhường ngôi cho mình, lập ra nhà Mạc. Sau khi lên ngôi, năm 1528, Mạc Đăng Dung đã sai sứ sang Yên Kinh để báo với nhà Minh về việc "con cháu họ Lê không ai thừa tự nữa, dặn lại cho đại thần là họ Mạc tạm coi việc nước, cai trị dân chúng…" [5; 111]. Sự kiện này cũng được chép trong *Đại Việt thông sử* như sau: "Năm Mậu Tý (1528), Đăng Dung do cướp ngôi mà được nước, cho nên sợ nhà Minh hỏi tội, bèn sai sứ thần sang Yên Kinh dâng biểu nói: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự, cho nên di chúc cho đại thần họ Mạc tạm quản việc nước, để yên dân" [6; 330].

Tuy nhiên, vua Minh không tin nên đã bí mật cho người sang Đại Việt thăm dò tin tức. Mạc Đăng Dung đã dùng nhiều vàng bạc đút lót những viên tướng nhà Minh giữ biên thùy để nhờ họ che chở [5; 111, 6; 330]. Vì vậy, sứ giả về nước đã tâu lên triều đình nhà Minh rằng: "Con cháu nhà Lê đã hết, không ai nối ngôi được, đã ủy thác cho họ Mạc. Người trong nước đều tôn phục và theo về họ Mạc cả, in tha tội cho họ" [5; 111-112], nhưng vua Minh vẫn không nghe.

*Đại Việt sử ký toàn thư* chép rằng: "Mạc Đăng Dung sợ nhà Minh hỏi tội bèn dâng đất hai châu Quy, Thuận (tức hai châu Quy Hóa và Thuận An, đã bị nhà Tống chiếm từ đời Lý, trở thành châu Quy Thuận của tỉnh Quảng Tây) và hai tượng người bằng vàng và bạc cùng châu báu, của lạ, vật lạ. Vua Minh thu nhận" [5; 112]. Tuy nhiên, sự kiện này không được ghi chép trong *Minh thực lục*. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì chép rằng: "Đăng Dung tính chuyện cắt đất dâng nộp hai châu Quy Thuận, từ đó nam bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu. Về việc này, những điểm sử cũ chép đó đều sai sự thực, nên nay rút bớt đi mà chép phụ vào đây để tham khảo" [8; 116-117]. Vì vậy, việc dâng hai châu Quy, Thuận như ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* cần được khảo cứu thêm.

Sau chuyến đi sứ này, việc đi sứ của triều Mạc đến Trung Quốc bị gián đoạn bởi sự phức tạp trong mối quan hệ giữa nhà Minh với nhà Mạc, nhà Minh với nhà Lê sơ và nhà Lê Trung Hưng. Năm 1529, Trịnh Ngung và Trịnh Ngang là cựu thần của nhà Lê sơ chạy sang nhà Minh tố cáo Mạc Đăng Dung cướp nước và xin viện binh để đánh dẹp. Tuy nhiên, vì Mạc Đăng Dung đã hối lộ bầy tôi nhà Minh ở nơi biên thùy, nên việc của Trịnh Ngung, Trịnh Ngang không thành [6; 331]. Tiếp đó, vào năm 1534, nhà Minh sai Hàm Ninh hầu Cừu Loan và Binh bộ Thượng thư Mao Bá Ôn dẫn quân đến biên giới, tuyên bố là tiến đánh họ Mạc. Năm 1537, vua Lê Trang Tông đã sai Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh tố cáo Mạc Đăng Dung và xin nhà Minh cất quân đánh dẹp, hỏi tội người đứng đầu nhà Mạc.

Theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt thông sử* thì sự kiện này xảy ra vào năm Quý Tỵ (1533), nhưng *Minh thực lục* lại chép vào năm Đinh Dậu (1537): "Cháu dòng đích của vua An Nam tên là Lê Ninh (tức vua Lê Trang Tông, do Nguyễn Kim tôn lên năm 1533) sai người trong nước là bọn Trịnh Duy Liêu gồm 10 người đến kinh đô tâu rằng: "Vào năm Chính Đức thứ 11 nghịch thần Trần Cảo làm loạn, giết vua là Lê Trừu, người trong nước lập con trưởng của người anh đã mất là Huệ, lên trông coi việc nước. Vào năm thứ 16 Huệ đánh Trần Cảo giết được. Kẻ bầy tôi là Mạc Đăng Dung mưu loạn, đuổi vua [Huệ] ra ngoài, lập người em thứ còn thơ ấu là Lự làm bù nhìn coi nước; rồi giết Lự, ngụy lập người con và tự xưng là Thiên vương. Vì lí do này nên đường lối ngăn trở; Cống sứ không thông; Huệ vì vậy buồn giận phát bệnh chết, người trong nước lập Ninh là cháu dòng đích quyền coi việc nước. Ninh là con của Huệ, mấy lần cho người đưa thư đến Tổng trấn cáo nạn, đều bị Đăng Dung ngăn giết trên đường đi, nên không đến được. Mới đây nhân nhờ thuyền buôn Quảng Đông, bèn ngầm theo đến kinh đô, xin hưng binh hỏi tội để cứu ngay nạn nước". Lời tâu đưa xuống bộ Lễ, nhận phúc tấu như sau: "Sứ chính thức tin cậy từ An Nam không thông đã hơn 20 năm nay, nay triều đình mới định hưng binh hỏi tội, thì lời cáo biến từ nước này đến. Sự việc thuộc khả nghi, vả lại bọn Liêu theo thuyền đi, lại trú thêm tại Chiêm Thành hai năm, đến Quảng Đông lại không trình "thân cáo phó" (tờ khai lí do nhập cảnh

tại cửa khẩu); tuy có quan ty sở tại cấp văn thư đưa đi cũng khó mà tin được. Nay nên tạm thời cho bọn Liêu lưu tại sứ quán; Lệnh vệ Cẩm y đã sai đi, phúc trình sự việc tại nước này, cấp tốc tâu lên để đợi khu xử" [10; 196].

Trong tình thế nhiều khó khăn như vậy, năm 1538, Mạc Đăng Doanh đã sai Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh dâng biểu xin hàng và xin phân xử [5; 122]. *Minh thực lục* cũng chép sự kiện này nhưng chép là ngày 24 tháng 2 năm Gia Tĩnh 18 (14/3/1539), Nguyễn Văn Thái, Phạm Chính Nghị, Nguyễn Độ sang nhà Minh dâng biểu xin thỉnh hàng, nhân hiến sổ hộ khẩu đất đai [10; 217]. Tuy vậy, chuyến đi sứ này không làm thay đổi ý định xâm lược Đại Việt của nhà Minh. Vua Minh Thế Tông lệnh cho Cừu Loan và Mao Bá Ôn "phụng sắc Nam chinh" đi hỏi tội Mạc Đăng Dung [10; 224]. Theo lệnh của vua Minh, tháng 9 năm 1540, Cừu Loan và Mao Bá Ôn đến Quảng Tây họp với Trấn thủ Vân Nam là Liễu Tuần, triển khai các cánh quân ép sát biên giới [10; 224]. Mặt khác, Cừu Loan và Mao Bá Ôn cũng thay mặt nhà Minh truyền đi sắc lệnh cho Đại Việt rằng: "Nếu ai mang quận huyện đến hàng sẽ được giao cho cai quản chính quận huyện đó; giết hoặc bắt cha con Mạc Đăng Dung đến hàng được thưởng 20.000 (lạng ?) vàng", nếu "cha con Đăng Dung quả muốn trói tay chịu tội, nạp đủ số hộ tịch nhân dân, nạp cống, tuân theo mệnh, sẽ được tha tội chết" [10; 225].

Vào tháng 11 năm 1540, Mạc Đăng Dung cùng cháu là Văn Minh và các bề tôi Nguyễn Như Quế, Đỗ Chế Khanh, Đặng Văn Tri, Lê Thuyên, Nguyễn Tổng, Tô Văn Tốc, Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy Nhất, Bùi Trí Vĩnh qua Trấn Nam Quan, mỗi người đều cầm thước, buộc dây ở cổ, đi chân không đến phủ phục trước mạc phủ của quân Minh quỳ gối, cúi đầu dâng tờ biểu đầu hàng, nộp hết sổ sách về đất đai, quân dân và quan chức cả nước để chờ phân xử, dâng các động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù của châu Vĩnh An trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu [5; 121].

Về sự kiện này, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng chép tương tự nhưng khẳng định nhà Mạc đã dâng 5 động cho nhà Minh gồm: Ti Phù, La Phù, Cổ Sâm, Liễu Cát và Kim Lặc, không nói đến động An Lương [8; 116]. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết: "Còn việc quan thú Khâm Châu thuộc Quảng Đông tâu rằng bốn động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát thuộc hai đô Như Tích và Chiêm Lãng là đất cũ của Khâm châu Quảng Đông, nếu quả thực như lời ấy, thì đó là cái lỗi mạo nhận của họ Lê trước, nay thần xin giao trả lại để thuộc về Khâm châu" [11; 557]. *Minh thực lục* cũng xác nhận việc Mạc Đăng Dung trả lại các động Ti Lẫm, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát vốn là đất cũ của châu Khâm cho nhà Minh [10; 227]. Chính *Đại Việt sử ký toàn thư* ở ngay đoạn sau cũng viết: Mạc Đăng Dung "trả lại đất bốn động đã chiếm" [5; 122].

Như vậy, tuy ghi chép khác nhau về số lượng động nhưng các tài liệu đều cho thấy, Mạc Đăng Dung chỉ "trả lại" đất đã chiếm của nhà Minh chứ không phải là "dâng" đất cho giặc.

Ngay sau khi trả đất cho nhà Minh, Mạc Đăng Dung đã sai cháu mình là Mạc Văn Minh dẫn đầu một phái đoàn gồm 28 người mang biểu sang nhà Minh cầu phong [11; 555]. Trong tờ biểu cầu phong có đoạn: "Bọn thần trộm nghĩ, dân không thể tự trị được, mà việc trước phải chính danh; danh nghĩa không chính thì việc không thống nhiếp vào đâu; việc không thống nhiếp vào đâu; việc không chỗ thống nhiếp thì dân sẽ kéo bè họp đảng tranh nhau mà thành chia lìa tan vỡ, không thể cấm được… Cúi trông bệ hạ thương đến dân chúng phương xa, rộng theo tục mọi, ban cho mệnh mới, chiếu theo lệ cũ đời trước, hoặc làm Tổng quản hoặc làm Đô hộ để được quản nghiệp việc nước, đời đời làm phiên thần. Bọn thần cũng được bảo toàn sự sống sắp tàn, đời đời làm dân phiên bang" [11; 558-559]. Có thể thấy, để chấp nhận được phong, Mạc Đăng Dung thậm chí còn chấp nhận cả việc hạ tước phong "hoặc làm Tổng quản hoặc làm Đô hộ".

Sau động thái này của nhà Mạc, trải qua bàn bạc với các đại thần, ngày 4 tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 20 (29/4/1541), vua Minh ban lệnh: "Giáng nước An Nam làm ty Đô thống sứ An Nam, cho Mạc Đăng Dung làm quan Đô thống sứ An Nam, tòng nhị phẩm, con cháu thế tập (cha truyền con nối – TG chú), được cấp ấn bạc" [10; tr.229]. Sự kiện này cũng được chép lại trong *Lịch triều*

*hiến chương loại chí* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*: tháng 10 năm 1541, nhà Minh đổi nước An Nam làm An Nam đô thống sứ ty, trao cho Đăng Dung chức Đô thống sứ [10; 559, 8; 114], cho ấn bạc nha môn tòng nhị phẩm, lại được thế tập [11; 559]. Cũng từ đây, quan lại Quảng Tây sẽ thay mặt triều đình nhà Minh cấp lịch Đại thống hàng năm cho nhà Mạc.

Như vậy, đến năm 1541, với việc Mạc Đăng Dung được nhà Minh phong chức Đô thống sứ đã chính thức đánh dấu sự thừa nhận của nhà Minh đối với nhà Mạc. Mặc dù, nhà Minh đã hạ tước phong của nhà Mạc nhưng sự kiện này có thể coi là một thành tựu ngoại giao của nhà Mạc, giúp nhà Mạc duy trì hoà khí trong quan hệ với nhà Minh. Vì vậy, hoạt động thông sứ của nhà Mạc với nhà Minh cũng dần đi vào ổn định từ sau năm 1541.

Kể từ chuyến đi sứ đầu tiên vào 1528 đến chuyến đi sứ cuối cùng vào năm 1590, nhà Mạc đã phái tổng cộng 15 sứ đoàn đi sứ nhà Minh vào các năm: 1528, 1538, 1540, 1542, 1543, 1544, 1545, 1548 (2), 1575 (2), 1576, 1580, 1584, 1590 được thống kê cụ thể dưới bảng 1 sau đây. Trong trường hợp, cùng một năm, cùng một sứ đoàn, tác giả dùng thời gian ghi chép trong thư tịch cổ Việt Nam để liệt kê sứ đoàn.

***Bảng 1. Số lượng sứ đoàn triều Mạc đi sứ triều Minh (1527 – 1592) [5, 6, 8, 10, 11]***

| STT | Thư tịch cổ Việt Nam | | Minh thực lục | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| | Thời gian | Nội dung | Thời gian | Nội dung | |
| 1 | 1528 | Sai sứ sang nhà Minh báo việc lên ngôi của nhà Mạc và giải thích lí do chậm trễ trong việc cầu phong. | | | [5; 111], [6; 330], [11; 555] |
| 2 | 1538 | Sai Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh dâng biểu xin hàng và xin phân xử. | Ngày 24 tháng 2 năm Gia Tĩnh 18 (14/3/1539) | Nguyễn Văn Thái, Phạm Chính Nghị, Nguyễn Độ dâng biểu xin thỉnh hàng, nhân hiến sổ hộ khẩu đất đai. | [5; 120], [10; 217] |
| 3 | 1540 | Sai bọn Văn Minh và Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tỉnh mang biểu đầu hàng sang Yên Kinh và cầu phong cho Mạc Đăng Dung. | | | [5; 121], [11; 555] |
| 4 | Ngày 3 tháng 8 năm 1542 | Sai Nguyễn Điển Kính, Nguyễn Công Nghi, Lương Giản sang tạ ơn; Nguyễn Chiêu Huấn, Vũ Tuân và Tạ Đình Quang sang tuế cống (dâng lễ vật lên thiên triều định kì hàng năm theo quy định). | Ngày 21 tháng 4 năm Gia Tĩnh thứ 22 (24/5/1543) | Sai Nguyễn Điển Kính, Nguyễn Chiêu Huấn phân chia làm hai nhóm dâng biểu làm lễ tạ ân và tiến cống. | [5; 123], [8; 121], [10; 233] |
| 5 | 1543 | Nhà Mạc sai sứ sang tuế cống nhà Minh. | | | [5; 123] |
| 6 | | | Ngày 10 tháng 5 năm Gia Tĩnh 23 (30/5/1544) | Đoàn Sư Trực dâng biểu, sản vật tạ ơn. | [10; 235] |
| 7 | | | Ngày 17 tháng | Nguyễn Thuyên đến | [10; |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | 8 năm Gia Tĩnh thứ 24 (22/9/1545) | dâng biểu và cống sản vật địa phương. | 236] |
| 8 | | | Ngày 7 tháng Chạp năm Gia Tĩnh thứ 26 (17/1/1548) | Đặng Văn Trị, Nguyễn Như Quế báo tang Mạc Phúc Hải và xin phong cho Mạc Phúc Nguyên. | [10; 236] |
| 9 | 1548 | Lê Tiên Quý sang tuế cống nhà Minh | 1548 | Lê Quang Bí mang biểu văn và phương vật đến cống. | [5; 125], [10; 244] |
| 10 | | | Ngày 16 tháng 8 năm Vạn Lịch thứ 3 (19/9/1575) | Mạc Mậu Hợp sai sứ đến cống. | [10; 249] |
| 11 | | | Ngày 25 tháng 9 năm Vạn Lịch thứ 3 (28/10/1575) | An Nam sai sứ đến triều đình tiến cống. | [10; 250] |
| 12 | | | Ngày 15 tháng Chạp năm Vạn Lịch thứ 3 (25/1/1576) | Lê Như Hổ cùng 73 người đến cống bù 4 kì. | [10; 250] |
| 13 | Ngày 3 tháng 12 năm 1580 | Mạc Mậu Hợp sai bốn sứ thần là Lương Phùng Thìn, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Trần Đạo Vịnh, Nguyễn Cảnh, Đỗ Uông, Vũ Cận, Nhữ Tông, Lê Đình Tú, Vũ Cẩn và Vũ Tĩnh, cộng 16 người sang cống và nộp bù lễ cống còn thiếu những năm trước. | Ngày 19 tháng 6 năm Vạn Lịch năm thứ 9 (19/7/1581) | Lương Phùng Thìn dâng biểu văn và sản vật địa phương cống bù cho các năm Gia Tĩnh 36 (1557), Gia Tĩnh 39 (1560) và cống chính các năm Vạn Lịch 3 (1575), Vạn Lịch 6 (1578) | [5; 157], [10; 251], [11; 603-604] |
| 14 | 1584 | Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vĩnh Kì, Đặng Hiển, Nguyễn Năng Nhuận, Vũ Sư Tích, Nguyễn Lễ sang cống nhà Minh. Lệ 6 năm một lần cống hai kì bắt đầu từ đây. | Ngày 3 tháng 6 năm Vạn Lịch thứ 13 (29/6/1585) | Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vĩnh Kì, Đặng Hiển gồm 40 người dâng cống vật như đồ bằng bạc, ngà voi, sản vật địa phương, được chia làm hai lễ cống cho năm Vạn Lịch 9 (1581) và Vạn Lịch 12 (1584). | [5; 160], [10; 254], [11; 603-604] |
| 15 | | | Ngày 11 tháng 8 năm Vạn Lịch thứ 18 (9/9/1590) | Lại Mẫn cống hai lễ cống bù và cống chính thức. | [10; 256] |

Từ bảng thống kê có thể thấy, trước khi vua Mạc chính thức được phong chức Đô thống sứ, việc đi sứ nhà Minh gần như bị gián đoạn do những phức tạp của tình hình chính trị Đại Việt. Hoặc trong giai đoạn từ 1548 đến năm 1575, sau chuyến đi sứ của Lê Quang Bí và bị nhà Minh giữ lại 18 năm, đến năm 1565 mới được về nước thì việc đi sứ nhà Minh cũng không thường xuyên.

Về sứ đoàn của Lê Quang Bí, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Ngày 25 tháng Giêng năm 1566, nhà Mạc sai Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Kế Khê bá Giáp Hải và Đông các hiệu thư Phạm Duy Quyết lên đầu địa giới Lạng Sơn đón tiếp sứ thần lê Quang Bí về nước. Quang Bí phụng mệnh đi sứ năm Gia Tĩnh thứ 27, bị nhà Minh giữ lại 18 năm, đến nay trở về [5; 137]. *Minh thực lục* chép: Vào năm Gia Tĩnh thứ 27,… Lê Quang Bí mang biểu văn phương vật đến cống. Quang Bí đã đến Trung Quốc hơn 15 năm, trên đường sứ giả chết hơn một nửa, nay mới đến nơi [10; 244]. *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng viết: Sứ đoàn này đi năm 1548, bị giữ lại ở Nam Ninh đến năm 1565 mới tới Yên Kinh, đầu năm 1566 mới về nước. Trong quãng thời gian đó sứ đoàn chết hơn một nửa [11; 604].

Việc nhà Mạc không thường xuyên trong việc cử sứ đoàn đi sứ triều Minh trong giai đoạn 1548 đến 1575 được giải thích trong *Lịch triều hiến chương loại chí*: "Khi ấy, họ Mạc và nhà Lê đánh nhau, việc quân đang khẩn cấp trong khoảng 20 năm, lễ cống thường bỏ thiếu" [11; 604]. Điều này dẫn đến hiện tượng cống bù "nộp bù lễ cống còn thiếu những năm trước" [11; 604] trong một số kì cống như: kì cống năm 1576 và năm 1580. Hoạt động thông sứ trở nên thường xuyên hơn từ kể từ năm 1542 sau khi nhà Minh phong cho vua Mạc chức An Nam Đô thống sứ. Dù vẫn có lúc gián đoạn nhưng nhà Mạc luôn cố gắng duy trì lệ cống đều đặn theo quy định bằng việc "cống bù" (1575, 1580) và "cống gộp" (1584, 1590).

## 2.2. Nhiệm vụ của sứ đoàn

Xem xét nội dung bảng 1 thì thấy, nhà Mạc phái sứ đoàn sang nhà Minh với các mục đích khác nhau, như: cầu phong, tiến cống, tạ ơn, báo tang, xin hàng,… Có những sứ đoàn chỉ đảm trách một nhiệm vụ, song cũng có những sứ đooàn đảm đương hai nhiệm vụ, chẳng hạn, sứ đoàn của Đặng Văn Tri, Nguyễn Như Quế năm 1548 vừa báo tang Mạc Phúc Hải, vừa xin phong cho Mạc Phúc Nguyên. Hoặc có sứ đoàn đi cống gộp nhiều kì sứ đoàn năm 1584 và sứ đoàn năm 1590. Do vậy, chúng tôi chọn cách thống kê mục đích đi sứ của sứ bộ, sứ đoàn nào kiêm nhiệm hai nhiệm vụ thì tính hai lượt, sứ đoàn nào đi cống gộp cho hai hoặc bốn lần lệ cống trước đó thì chỉ tính là một lượt. Vì vậy, có thể thấy, mục đích của các sứ đoàn triều Mạc đi sứ Trung Quốc gồm có những mục đích như sau:

***Bảng 2. Mục đích đi sứ Trung Quốc của sứ đoàn triều Mạc [5, 6, 8, 10, 11]***

| Mục đích đi sứ | Số lượng sứ đoàn | Thời gian |
|---|---|---|
| Báo tin nhà Mạc thành lập | 1 | 1528 |
| Cầu phong | 2 | 1540 (Mạc Đăng Dung), 1548 (Mạc Phúc Nguyên) |
| Triều cống | 9 | 1542, 1543, 1545, 1548, 1575, 1576, 1580, 1584, 1590 |
| Tạ ơn | 3 | 1542, 1544, 1575 |
| Xin hàng | 1 | 1538, 1540 |
| Báo tang | 1 | 1548 (Mạc Phúc Hải) |

Nhìn vào bảng thống kê trên thì thấy, số lần sứ đoàn đi triều cống là nhiều nhất với tổng cộng 9 sứ đoàn.

Số lượng sứ đoàn đi cầu phong chỉ có 2 lần vào năm 1528 và năm 1548. Ngoài hai sứ đoàn này, *Minh thực lục* có chép thêm một sự kiện vào ngày 20 tháng 2 năm Gia Tĩnh thứ 29 (8/3/1550): "Quan ty sở tại [biên giới] cho biết con cố An Nam Đô thống sứ Mạc Phúc Hải là Hoằng Dực (tức Mạc Phúc Nguyên – TG chú) xin được phong tước và nạp cống như lệ cũ" [10; 239]. Tuy

nhiên, *Minh thực lục* không chép về sứ đoàn nhà Mạc, chỉ chép lời tâu của Quan ty sở tại, vì vậy, sự kiện này không đưa vào bảng thống kê. Trong giai đoạn ở Thăng Long (1527 – 1592), nhà Mạc có 5 đời vua, gồm: Mạc Đăng Dung (1527 – 1529), Mạc Đăng Doanh (1530 – 1540), Mạc Phúc Hải (1541 – 1546), Mạc Phúc Nguyên (1547 – 1561) và Mạc Mậu Hợp (1562 – 1592) nhưng chỉ cầu phong cho Mạc Đăng Dung và Mạc Phúc Nguyên. Nhà Minh đã sách phong cho các vua Mạc là Mạc Đăng Dung là Đô thống sứ vào năm 1541 [8; 121], [10; 229], Mạc Phúc Hải được thế tập chức Đô thống sứ vào năm 1542 [5; 123], [10; 231], Mạc Phúc Nguyên thế tập chức của cha vào năm 1551 [10; 240], Mạc Mậu Hợp được thế tập chức Đô thống sứ vào năm 1573 [10; 249]. Trong số các vua Mạc thì duy nhất có Mạc Đăng Doanh là không được nhà Minh sách phong. Nguyên nhân của việc này có lẽ là do khi ấy nhà Mạc và nhà Lê Trung Hưng đang đánh nhau, vì vậy, lễ cống cũng như cầu phong với nhà Minh thường bị bỏ thiếu [11; 604].

Nhà Mạc đã cử ba sứ đoàn sang nhà Minh để tạ ơn vào các năm 1542, 1544, 1575, sau khi các vua Mạc Đăng Dung, Mạc Phúc Nguyên và Mạc Mậu Hợp được phong chức An Nam Đô thống sứ. Một điểm đáng chú ý là năm 1575 có hai sứ đoàn nhà Mạc đi sứ nhà Minh lần lượt vào ngày 19/9/1575 và ngày 28/10/1575, *Minh thực lục* chép là đến cống, tiến cống. Tuy vậy, chúng tôi cho rằng, trong hai sứ đoàn này có một sứ đoàn được phái đi để tạ ơn, do trước đó vào ngày 27 tháng Giêng năm Vạn Lịch thứ nhất (28/2/1573), vua Minh đã ban cho Mạc Mậu Hợp được thế tập chức An Nam Đô thống sứ. Vì vậy, trong bảng thống kê này, chúng tôi xếp một sứ đoàn là đi tạ ơn, một sứ đoàn là đi cống.

Từ những thống kê trong bảng 2 có thể thấy, triều cống và cầu phong vẫn là nhiệm vụ trọng tâm của các sứ đoàn nhà Mạc đi sứ nhà Minh.

## 2.3. Tổ chức của sứ đoàn và thân thế của sứ thần

Về số lượng thành viên của từng sứ đoàn triều Mạc đi sứ triều Minh là khác nhau tùy thuộc vào nhiệm vụ đi sứ. Các thư tịch cổ Việt Nam và Trung Quốc không cung cấp số lượng cụ thể của tất cả các sứ đoàn. Tuy nhiên, *Minh thực lục* và *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng cho biết số lượng của một số sứ đoàn. Cụ thể, sứ đoàn của Mạc Văn Minh năm 1540 có 28 người [11; 555], sứ đoàn của Lê Như Hổ năm 1576 có 73 người [10; 205], sứ đoàn của Lương Phùng Thìn năm 1580 có 16 người, sứ đoàn [11; 604], sứ đoàn Nguyễn Doãn Khâm và Nguyễn Năng Thuận năm 1584 có 40 người [10; 254]. Như vậy, có thể thấy, số lượng thành viên của từng sứ đoàn nhà Mạc không cố định mà phụ thuộc vào các yếu tố như: nhiệm vụ đi sứ, số lượng lễ vật cũng như bối cảnh chính trị cụ thể của từng chuyến đi sứ.

Về thành phần sứ đoàn và thân thế của sứ thần triều Mạc đi sứ triều Minh, thư tịch cổ Việt Nam và Trung Quốc không ghi rõ chức vụ chánh sứ, phó sứ hay những người tùy tùng mà chỉ liệt kê một số người dẫn đầu sứ đoàn. Các tài liệu hiện có cũng không cho phép thống kê đầy đủ thân thế của các sứ thần thời Mạc đi sứ nhà Minh. Dưới đây là thông tin về một số sứ thần triều Mạc đi sứ triều Minh để làm cơ sở tìm hiểu về thân thế của sứ thần triều Mạc.

***Bảng 3. Thống kê chức danh của sứ thần triều Mạc [12]***

| STT | Tên sứ thần | Quê quán | Sự nghiệp | Năm đi sứ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Thái (1479 - ?) | Xã Đông Xuyên, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Bảng nhãn năm 1502, làm quan đến chức Thượng thư, tước hầu, đi sứ Trung Quốc hai lần, lần sau bị giữ lại lấy vợ người Trung Quốc. | 1538, 1540 |
| 2 | Phạm Chính Nghị (1486 - ?) | Xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên | Đỗ Hoàng giáp năm 1514, làm quan đến chức Thượng thư, tước Văn trường bá | 1538 |
| 3 | Nguyễn Độ | Xã Quang Vinh, | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân | 1538 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | (1493 - ?) | huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên | năm 1518, làm quan đến chức Thượng thư, tước Hà phần bá | |
| 4 | Mạc Văn Minh (? - ?) | | Cháu của Mạc Đăng Dung | 1540 |
| 5 | Hứa Tam Tỉnh (1476 - ?) | Xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh | Đỗ Bảng nhãn năm 1508. Sau khi đi sứ trở về được thăng Thượng thư Bộ Lại, hàm Thiếu bảo, tước Đôn Giáo bá. | 1540 |
| 6 | Nguyễn/Phạm Điển Kính (? - ?) | Xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1514, làm quan với nhà Mạc đến chức Thượng thư, tước Văn Ninh hầu. | 1542 |
| 7 | Nguyễn Công Nghi (? - ?) | Xã Đại Đồng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1520, làm quan nhà Mạc đến chức Thượng thư, tước Đạt Lễ bá. | 1540 |
| 8 | Lương Giản (? - ?) | Xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1526, làm quan đến Lễ bộ Tả thị lang. | 1540 |
| 9 | Nguyễn Chiêu Huấn (? - ?) | Xã Yên Phụ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. | Ông nội Nguyễn Khắc Khoan. Đỗ Bảng nhãn năm 1514, làm quan đến chức Thượng thư. | 1540 |
| 10 | Vũ Tuân (? - ?) | Xã Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. | Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1514, làm quan đến chức Thượng thư. | 1540 |
| 11 | Tạ Định Quang (1507 - ?) | Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Hà Nội. | Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1532, làm quan đến chức Thượng thư, tước bá, sau bị giáng cấp Thừa chính sứ. | 1540 |
| 12 | Nguyễn Thuyên (? - ?) | Xã Đào Viên, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. | Đỗ Bảng nhãn năm 1523, làm quan đến Thừa chính sứ. | 1545 |
| 13 | Lê Quang Bí (1504 - ?) | Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương | Đỗ Hoàng giáp năm 1526, sau khi đi sứ về được thăng làm Lại bộ Thượng thư, tước Tô Xuyên hầu. | 1548 |
| 14 | Giáp Hải (1507 – 1581) | Xã Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang | Đỗ Trạng nguyên năm 1538, làm quan đến chức Lục bộ Thượng thư kiêm Đông các, Nhập thị kinh diên, Thái bảo, tước Sách quốc công. | |
| 15 | Lê Như Hổ (1511 – 1581) | Xã Thủ Sĩ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1541, làm quan đến chức Thượng thư, hàm Thiếu bảo, tước Tuấn quận công. | 1576 |
| 16 | Lương Phùng Thìn (1426 - ?) | Xã Thăng Long, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Hoàng giáp năm 1453, làm quan đến chức Chuyển vận sứ. | 1580 |
| 17 | Nguyễn Nhân An | Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Hà Nội. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1556, làm quan đến chức Thị lang, tước Phúc Diễn hầu. | 1580 |
| 18 | Nguyễn Uyên | Xã Kim An, huyện | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân | 1580 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Thanh Oai, Hà Nội. | năm 1535, làm quan đến chức Hàn lâm. | |
| 19 | Nguyễn Khắc Tuy (? - ?) | Xã Trạm Du, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1553, làm quan đến chức Thượng thư, tước Tùng Nham hầu. | 1580 |
| 20 | Nguyễn Kính (Cảnh) (1522- ?) | Xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1559, làm quan đến chức Thượng thư, tước Hương Sơn hầu. | 1580 |
| 21 | Đỗ Uông (1523 – 1600) | Xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Bảng nhãn năm 1556, làm quan nhà Mạc đến chức Đông các đại học sĩ, Thượng thư bộ Lại, tước Phúc quận công y. | 1580 |
| 22 | Vũ Cận (1522 - ?) | Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1556, làm quân đến chức Thượng thư, tước Dũng quận công | 1580 |
| 23 | Nhữ Tông (? - ?) | Xã Thái Hoà, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1556, làm quan đến chức Thượng thư, tước Vị Xuyên hầu. | 1580 |
| 24 | Lê (Nguyễn) Đình Tú (1542 - ?) | Xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. | Đỗ Hoàng giáp năm 1565, làm quan đến Hình bộ Tả thị lang. | 1580 |
| 25 | Vũ Cẩn (1527 - ?) | Xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1556, làm quan đến chức Thượng thư, tước Xuân Giang hầu. | 1580 |
| 26 | Vũ Tĩnh (1525 - ?) | Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1563, làm quan đến chức Tả thị lang, tước Tây Khê bá. | 1580 |
| 27 | Nguyễn Doãn Khâm (1530 – 1592) | Xã Văn An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Hoàng giáp năm 1559, làm quan đến chức Thượng thư kiêm Đô ngự sử, tước Nghiêm Sơn hầu. | 1584 |
| 28 | Nguyễn Vĩnh Kì (Nguyễn Vĩnh Phúc) (1526 - ?) | Xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1559, làm quan đến chức Thượng thư, tước hầu. | 1584 |
| 29 | Đặng Hiển (1526 - ?) | Xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1565, làm quan đến chức Thượng thư, tước Tùng Lĩnh bá. | 1584 |
| 30 | Vũ Sư Tích (? - ?) | Xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Hoàng giáp năm 1568, làm quan đến chức Lại bộ Tả thị lang, tước Mai Khê bá. | 1584 |
| 31 | Nguyễn Lễ (1543 - 1619) | Xã Văn An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1568. Theo giúp nhà Lê, làm quan đến chức Thượng thư, tước Tuyền quận công | 1584 |
| 32 | Lại Mẫn (1530 - ?) | Xã Tân Hoà, huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình. | Đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 1565, làm quan đến Thượng thư kiêm Đô ngự sử. | 1590 |

Từ bảng thống kê trên, có thể nhận thấy rằng đa số sứ thần triều Mạc được cử đi sứ triều Minh đều là quan văn, có học vị cao, gồm: Trạng nguyên (Giáp Hải), Bảng nhãn (Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tỉnh, Nguyễn Chiêu Huấn, Nguyễn Thuyên, Đỗ Uông), Hoàng giáp (Phạm Chính Nghị, Lê Quang Bí, Lương Phùng Thìn, Nguyễn Doãn Khâm, Vũ Sư Tích), Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân (Nguyễn Độ, Nguyễn Điển Kính, Nguyễn Công Nghi, Lương Giản, Vũ Tuân, Tạ Định Quang, Lê Như Hổ, Nguyễn Nhân An, Nguyễn Uyên, Nguyễn Khắc Tuy, Nguyễn Kính, Vũ Cẩn, Nhữ Tông, Vũ Cẩn, Vũ Tĩnh, Nguyễn Vĩnh Kì, Đặng Hiển, Nguyễn Lễ, Lại Mẫn,...).

Trong số 32 sứ thần được thống kê có tới 21/32 sứ thần từng làm quan đến chức Thượng thư các bộ (Nguyễn Văn Thái, Phạm Chính Nghị, Hứa Tam Tỉnh, Nguyễn Điển Kính, Nguyễn Công Nghi, Nguyễn Chiêu Huấn, Vũ Tuân, Tạ Định Quang, Lê Quang Bí, Giáp Hải, Lê Như Hổ, Nguyễn Khắc Tuy, Nguyễn Kính, Đỗ Uông, Vũ Cẩn, Nhữ Tông, Vũ Cẩn, Nguyễn Doãn Khâm, Nguyễn Vĩnh Kì, Nguyễn Lễ, Lại Mẫn). Điều đó có thể thấy rằng, nhà Mạc rất coi trọng quan hệ ngoại giao với nhà Minh. Tuy vậy, nhà Mạc cũng không đặt ra một tiêu chuẩn cụ thể cho việc lựa chọn sứ thần đi sứ nhà Minh mà căn cứ vào nhiệm vụ đi sứ và tính chất cụ thể của từng chuyến đi mà lựa chọn sứ thần.

Thời nhà Mạc, điểm khác biệt trong cách ứng xử của nhà Minh đối với sứ thần nhà Mạc là nhà Minh gọi những người dẫn đầu đoàn nhà Mạc bằng các chức: Tuyên phủ, Tuyên phủ đồng tri, Tuyên ủy đồng tri,… chứ không gọi là Bồi thần như trước kia. Điều này đã được *Minh thực lục* giải thích trong sự kiện tiếp đón sứ thần nhà Mạc vào năm 1543: "Bộ Lễ cho rằng tên nước An Nam đã bị phế, không còn vua, vậy người đến cống không nên đối xử như Bồi thần (tức bề tôi của vua chư hầu – TG chú) trước kia; nên hạn chế sự ban thưởng. Hoàng thượng phán: "Phúc Hải đã có lòng thành nạp cống, đồ vật ban cho giống như cũ, riêng yến tiệc cho làm giảm bớt để chứng tỏ không phải là Bồi thần"" [10; 234].

## 2.4. Lệ cống và cống phẩm

Trong các sứ đoàn nhà Mạc đi sứ nhà Minh thì sứ đoàn được phái đi tuế cống, tiến cống, cống là nhiều nhất. Kể từ chuyến đi sứ tuế cống lần đầu tiên vào năm 1542 cho đến năm 1590 (năm cuối cùng sứ đoàn nhà Mạc sang cống), nhà Mạc đã 9 lần cử sứ đoàn sang cống vào các năm: 1542, 1543, 1545, 1548, 1575, 1576, 1580, 1584, 1590 để nộp 17 kì cống. Với 17 kì cống trong vòng 48 năm, nhà Mạc về cơ bản đã thực hiện lệ cống ba năm một lần giống như các triều đại trước đó. Theo *Minh thực lục*, lệ cống này được đặt ra từ năm 1375: Ngày 6 tháng 6 năm Hồng Vũ thứ 8 (4/7/1475), "ngày Giáp Ngọ, vua An Nam Trần Đoan (tức Trần Duệ Tông – TG chú) sai bọn Thông nghị đại phu Nguyễn Nhược Kim đến triều yết, xin cho biết kì hạn tiến cống. Thiên tử mệnh quần thần bàn, tất cả đều tâu rằng thời xưa nước chư hầu đối với Thiên tử hằng năm làm lễ sính nhỏ, ba năm lễ sính lớn; các phiên bang và nước xa xôi thì một đời gặp một lần. Vì vậy, quan Trung thư sảnh được lệnh dụ các nước An Nam, Cao Ly, Chiêm Thành rằng: Kể từ nay ba năm triều cống một lần" [9; 100-101].

Thời Mạc, các đoàn đi sứ còn thực hiện nhiệm vụ "cống bù" cho những lần thiếu cống như lần cống năm 1576. Lí giải cho hiện tượng này, Phan Huy Chú chép rằng: "Khi ấy, họ Mạc và nhà Lê đánh nhau, việc quân đang khẩn cấp trong khoảng 20 năm, lễ cống thường bỏ thiếu" [11; 604]. Điều này dẫn đến hiện tượng cống bù "nộp bù lễ cống còn thiếu những năm trước" [11; 604] trong một số kì cống như: kì cống năm 1576 cống bù cho 4 kì; kì cống năm 1580 cũng cống bù cho các năm Gia Tĩnh 36 (1557), Gia Tĩnh 39 (1560) và cống chính các năm Vạn Lịch 3 (1575), Vạn Lịch 6 (1578) [10; 251]. Vì vậy, dù có những lúc việc cống bị gián đoạn nhưng khi nhà Mạc cống bù, nhà Minh tỏ ra rất hài lòng. Năm 1576 khi nhà Mạc đến cống bù bốn kì, "vua Minh khen sự cung thuận, ngoài việc thưởng như lệ còn ban thêm bốn tấm lụa đoạn, hai ấm gấm để biểu thị sự ưu đãi" [10; 250]. Năm 1580, khi nhà Mạc đến cống bù bốn kì, vua Minh đã ban yến, ban sắc khen ngợi [10; 252].

Ngoài việc cống bù, thời Mạc còn xuất hiện hiện tượng "cống gộp". Các sứ đoàn nhà Mạc

đi sứ nhà Minh từ năm 1584 trở về sau thường thực hiện nhiệm vụ cống gộp hai kì. Về sự kiện này, *Minh thực lục* chép: "Đô thống sứ An Nam Mạc Mậu Hợp từ khi được thế tập chức tước đến nay, triều cống không thiếu. Nay đúng kì cho ba năm cống, lại cống bồi hai kì; nên xin Tổng đốc Lưỡng Quảng Quách Ứng Sinh tâu lên và bộ Binh phúc trình" [10, tro.254]. Phan Huy Chú cũng chép: Đến năm 1584, Mạc Mậu Hợp sai hai sứ thần là Nguyễn Doãn Khâm và Nguyễn Năng Thuận sang cống nhà Minh. "*Lệ cống 6 năm một lần cống hai lễ bắt đầu từ đấy*" [11; 604].

Các sự kiện sau đó cũng chứng tỏ, từ năm 1584, nhà Mạc chính thức xin cống sáu năm một lần đi sứ gộp cống hai kì. *Minh thực lục* chép: "Ngày 2 tháng 10 năm Vạn Lịch 17 (9/11/1589): Đô thống sứ ty Đô thống sứ An Nam Mạc Mậu Hợp đến cửa quân Lưỡng Quảng xin làm hai lễ cống bù và cống chính thức" [10; 256].

Về cống phẩm, dưới thời nhà Minh, cống phẩm của các nước phiên quốc cũng được quy định rất cụ thể. Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, lệ về cống phẩm được đặt ra từ năm Hồng Vũ thứ ba (1370) và được ghi lại trong sách *Hội điển* của nhà Minh gồm: "Các đồ dùng bằng vàng bạc, sừng tê, ngà voi, lụa bạch, hương xông, hương giáng chân, trầm hương, tốc hương, mộc hương, hương vòng đen và quạt giấy" [7; 837]. Các triều đại Trần, Lê Sơ và nhà Mạc về cơ bản theo lệ này để cống.

Thời Mạc, sử liệu của một số chuyến đi sứ có cho biết về cống phẩm của nhà Mạc cho nhà Minh như chuyến đi sứ năm 1542, 1578.

Theo ghi chép trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, năm 1542, Mạc Đăng Dung sai Nguyễn Chiêu Huấn, Vũ Tuân và Tạ Đình Quang đem sản vật sang tiến cống nhà Minh. Các sản vật gồm: lư hương và bình hoa bằng vàng 4 bộ (nặng 100 lạng), rùa vàng một con (nặng 90 lạng), hạc bạc và đài bạc mỗi thứ 1 cái (nặng 50 lạng), bình hoa và lư hương bằng bạc 2 bộ (nặng 150 lạng), mâm bạc 12 chiếc (nặng 641 lạng), trầm hương 60 cân, tốc hương 148 cân [11; 603].

Cống phẩm năm 1542 của nhà Mạc cho nhà Minh cũng được chép lại trong *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cụ thể như sau: Tháng 8, mùa thu, Mạc Phúc Hải sai bầy tôi là Nguyễn Điển Kính sang nhà Minh đem sản vật địa phương sang đáp tạ do trước đó nhà Minh đã ban cho Mạc Đăng Dung sắc là An Nam Đô thống sứ, ấn và lịch Đại Thống. Sản vật tạ ơn theo truyện Mạc Phúc Hải trong *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn cụ thể như sau:

***Bảng 4. Cống phẩm của nhà Mạc cho nhà Minh vào năm 1542*** [8; 121]

| Đồ vật | Số lượng | Trọng lượng |
|---|---|---|
| Lư hương, bình hoa bằng vàng | 4 bộ | 190 lạng |
| Rùa vàng | 1 con | 90 lạng |
| Bạc bạc | 1 con | 51 lạng |
| Đài bạc | 1 chiếc | 51 lạng |
| Lư hương và bình hoa bằng bạc | 2 bộ | 150 lạng |
| Mâm bạc | 12 chiếc | 641 lạng |
| Trầm hương | 60 cân | |
| Tốc hương | 48 cân | |
| Giáng chân hương | 30 nén | |
| Sừng tê | 20 cái | |
| Ngà voi | 30 chiếc | |

*Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng cho biết thêm: "Các sản vật trong lễ cống hàng năm cũng như vậy, đặt làm lệ thường" [8; 121]. Từ ghi chép đó có thể thấy, cống phẩm tuế cống về chủng loại và số lượng cơ bản giống lệ cống năm 1542 và được đặt hành lệ thường trong quan hệ bang giao giữa triều Mạc với triều Minh.

Tương tự, cống phẩm năm 1578 cũng gần giống với năm 1542, gồm: 4 đôi bình hoa, lư hương bằng vàng (209 lạng), chậu bạc 12 chiếc (691 lạng), trầm hương (60 cân), tốc hương (148 cân), giáng chân hương (30 cân), bạch mộc hương (50 kiện), hắc tuyến hương (8000 cành), thổ quyên màu trắng (200 chiếc), sừng tê (20 cái), ngà voi (20 cái) [13; 267].

*Minh thực lục* còn chép sơ lược về cống phẩm của chuyến đi sứ năm 1584 gồm: "đồ bằng bạc, ngà voi, sản vật địa phương" [10; 254].

Như vậy, qua xem xét cống phẩm của năm 1542, 1578 và 1584 thì thấy, về chủng loại là cống phẩm của nhà Mạc cho nhà Minh vẫn là các sản vật quý của Đại Việt như: vàng, bạc, ngà voi, sừng tên, trầm hương, tốc hương, giáng chân hương,… Về số lượng, so sánh cống phẩm của nhà Mạc năm 1542 với thời Lê sơ trước đó, Phan Huy Chú có nhận xét: "Thời Lê sơ thông hiếu với Trung Quốc, có người vàng thay mình để đền mạng Liễu Thăng, nhà Minh định làm cống phẩm. Đến khoảng giữa mới đổi ra làm lư hương, bình hoa và vàng bạc, vẫn nặng bằng người vàng. Đến lễ cống của nhà Mạc đây, đại lược cũng theo như lệ cũ, mà các thứ đồ bạc mâm bạc thì lại tăng thêm hơn trước" [11; 603]. Có thể thấy, so với cống phẩm của nhà Lê sơ, cống phẩm của nhà Mạc không nhiều hơn, chỉ tăng thêm một số đồ bạc mà thôi.

## 3. Kết luận

Trong thời gian trị vì từ năm 1527 đến năm 1592, nhà Mạc đã có nhiều nỗ lực trong việc thiết lập và duy trì hoạt động ngoại giao với nhà Minh trong bối cảnh chính trị đất nước nhiều khó khăn. Kể từ chuyến đi sứ đầu tiên vào năm 1528 cho đến chuyến đi sứ cuối cùng vào năm 1590, nhà Mạc đã phái tổng cộng 15 sứ đoàn đi sứ triều Minh. Việc thông sứ của nhà Mạc với nhà Minh có những lúc bị gián đoạn do tình hình chính trị phức tạp như giai đoạn từ năm 1528 đến năm 1538 hoặc do nhà Mạc phải tập trung tiến hành chiến tranh với nhà Lê Trung Hưng như giai đoạn từ năm 1548 đến năm 1575. Tuy nhiên, kể từ sau khi nhà Mạc Đăng Dung chính thức được phong là An Nam Đô thống sứ, các chuyến đi sứ của nhà Mạc đến Trung Quốc với trọng tâm là những lần phái sứ đoàn đi cống được nối lại một cách thường xuyên hơn. Dù đôi lúc việc thông sứ vẫn bị gián đoạn nhưng nhìn chung nhà Mạc vẫn cố gắng duy trì việc dâng lễ vật cống ba năm một lần bằng cách "cống bù" hoặc "cống gộp". Nhà Mạc không đặt ra tiêu chuẩn cụ thể về việc lựa chọn sứ thần đi sứ nhà Minh nhưng những người dẫn đầu đoàn đi sứ đều là quan văn, từng đỗ đạt cao trong các kì thi Nho học, nhiều người trong số đó là Thượng thư các bộ. Về cống phẩm của nhà Mạc về cơ bản giống với các triều đại trước đó, có chăng là chỉ nhiều hơn chút ít vàng bạc mà thôi.

Có thể nói, trong lúc phải đối diện với sự chống đối của lực lượng trung thành với nhà Lê sơ và sau đó là nhà Lê Trung Hưng cùng với sự đe doạ xâm lược từ phía nhà Minh, việc nhà Mạc cử sứ đoàn đi sứ triều Minh trở thành phương thức ngoại giao quan trọng để tranh thủ sự chấp thuận về mặt hình thức của nhà Minh, đồng thời hoá giải nguy cơ xâm lược từ phía Bắc. Ở một mức độ nào đó, hoạt động của các sứ đoàn triều Mạc đã giúp nhà Mạc có thể tận dụng con đường ngoại giao để ổn định vị thế, duy trì hòa khí với nhà Minh và giúp nhà Mạc duy trì sự tồn tại của vương triều trong sáu mươi lăm năm (1527 – 1592).

[*] ***Lời cảm ơn:*** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 601.01-2021.01.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hội khoa học Lịch sử Việt Nam – Viện Sử học – Hội đồng Lịch sử thành phố Hải Phòng, (1996). *Nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử*, Hà Nội.

[2] TV Nguyên, (2005). *Nghiên cứu quan hệ Trung – Việt đời Minh*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Ký Nam (陈文源：《明代中越关系研究》，暨南大学2005年 博士学位论文).

[3] PĐ Thuận, (2016). Qua sự kiện năm 1540 bàn thêm về mối quan hệ bang giao giữa nhà Mạc với nhà Minh (Trung Quốc). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, tr.11-18.

[4] NTK Trang, (2016). *Về quan hệ sách phong, triều cống Minh - Đại Việt*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5] NS Liên và các sử thần triều Lê, (1998). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 3. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

[6] LQ Đôn, (2007). *Đại Việt thông sử*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

[7] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2007). *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, Tập 1. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[8] Quốc sử quán triều Nguyễn, (2007). *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, Tập 2. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[9] HB Thảo (Dịch và chú thích), (2019). *Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỉ XIV - XVII*, Tập 1. NXB Hà Nội.

[10] HB Thảo (Dịch và chú thích), (2019). *Minh thực lục: Quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỉ XIV - XVII*, Tập 3. NXB Hà Nội.

[11] PH Chú, (2007). *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 2. NXB Giáo dục, Hà Nội

[12] NĐ Thọ (Chủ biên), 2006. *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075 – 1919)*. NXB Văn học, Hà Nội.

[13] CQ Trinh (biên soạn), (1997). *Hoàng Minh đại sự ký*, Quyển 13, Tứ khố cấm hủy tùng thư. NXB Đại học Bắc Kinh. (朱国祯, (1997).《皇明大事记》,四库禁毁丛刊本, 卷13, 北京大学出版社).